

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ
các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016, khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, khoản 4 Điều 18, khoản 7 Điều 19, khoản 6 Điều 39, khoản 4 Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 18/01/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính đất đai do Bộ Tài chính xây dựng thì có 09 Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành có nội dung quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không còn phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành (có hiệu lực từ ngày 01/8/2024) nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định tại pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên về nguyên tắc, các văn bản này vẫn được xác định là "còn hiệu lực" nhưng để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật và quy định về hiệu lực của văn bản thì việc ban hành văn bản để bãi bỏ toàn bộ 09 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi bởi khoản 3, khoản 48 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi năm 2020):

"- Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

- Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp

luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương.”

Từ tình hình trên, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ **09** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần được bãi bỏ toàn bộ (*Chi tiết 09 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần bãi bỏ tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này*).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không còn phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng

- Rà soát, xác định chính xác những văn bản cần bãi bỏ.
- Tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong quá trình xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH

Bộ Tài chính đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Quyết định bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan, cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, trong đó giải trình về sự cần thiết, cơ sở pháp lý ban hành Quyết định bãi bỏ. Ngày/...../2024, Bộ Tài chính đã có Công văn số/BTC-QLCS gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với nội dung dự thảo Quyết định. Ngoài ra, dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự tác động.

- Trên cơ sở văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, văn bản thông báo của Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ

sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định và có công văn số/BTC-QLCS ngày...../...../2024 gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Ngày/...../2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định, Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định theo đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Về tên gọi văn bản

Tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “*Tên gọi của văn bản là một câu ngắn gọn hoặc một cụm từ, phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản*”. Đồng thời, nội dung dự thảo Quyết định quy định việc bãi bỏ toàn bộ đối với 09 quyết định thuộc lĩnh vực tài chính đất đai và văn bản được bãi bỏ chỉ bao gồm Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Do đó, dự thảo xác định tên gọi Quyết định là “*Bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”.

2. Về bố cục, nội dung dự thảo Quyết định

2.1. Bố cục

Dự thảo được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 39 mục III Phụ lục I “*Mẫu văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật*” ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Dự thảo Quyết định gồm 02 điều, cụ thể là:

- **Điều 1:** Quy định việc bãi bỏ toàn bộ 09 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản bãi bỏ được sắp xếp theo thời gian ban hành (từ văn bản ban hành trước đến văn bản ban hành sau); gồm:

1. *Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.*

2. *Quyết định số 57/2010/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng kho dự trữ 4 triệu tấn lúa, ngô, kho lạnh bảo quản thủy sản, rau quả và kho tạm trữ cà phê theo quy hoạch.*

3. *Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở cho hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đàm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư.*

4. *Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày*

15 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

5. Quyết định số 11/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

6. Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

7. Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

8. Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

9. Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.

- **Điều 2:** Quy định về điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Quyết định). Theo đó: (1) Hiệu lực thi hành của Quyết định thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2.2. Nội dung cơ bản và đánh giá tác động

Nội dung dự thảo Quyết định chỉ quy định bãi bỏ toàn bộ các Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành có nội dung không còn phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành (có hiệu lực từ ngày 01/8/2024), không quy định chính sách mới hay sửa đổi, bổ sung chính sách hiện có trong các văn bản; do vậy, không làm phát sinh thêm nguồn nhân lực và tài chính trong triển khai, thi hành Quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Dự thảo Quyết định không có nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và không quy định về thủ tục hành chính hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của

Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính).

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp dự thảo Quyết định; Báo cáo thẩm định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng CP.... (để b/c);
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS (8b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Khăng

PHỤ LỤC

Danh mục các Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành được đề xuất bãi bỏ

Tổng số: 09 văn bản

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
1.	Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).		
2.	Quyết định số 57/2010/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng kho dự trữ 4 triệu tấn lúa, ngô, kho lạnh bảo quản thủy sản, rau quả và kho tạm trữ cà phê theo quy hoạch.	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
3.	Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở cho hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đằm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư.	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Xây dựng	

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
4.	Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Xây dựng	
5.	Quyết định số 11/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).		
6.	Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
7.	Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan có liên quan	Ghi chú
	bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).		
8.	Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
9.	Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023	Quyết định này không còn phù hợp với quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

Số: /2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Bãi bỏ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.

2. Quyết định số 57/2010/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng kho dự trữ 4 triệu tấn lúa, ngô, kho lạnh bảo quản thủy sản, rau quả và kho tạm trữ cà phê theo quy hoạch.

3. Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở cho hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đằm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư.

4. Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

5. Quyết định số 11/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

6. Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

7. Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

8. Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

9. Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**